

Số: 613/CTTLĐT

Đông Triều, ngày 14 tháng 11 năm 2023

BÁO CÁO

Quỹ tiền lương, thù lao, quỹ tiền thưởng thực hiện năm 2022; Kế hoạch quỹ tiền lương, thù lao năm 2023 của Công ty .

Kính gửi:

- Sở Lao động- TB&XH Quảng Ninh;
- Sở Tài chính Quảng Ninh.

Thực hiện Văn bản số 35/TB-LĐTBXH ngày 17/3/2023 của Sở Lao động- Thương binh và Xã hội Quảng Ninh về quỹ tiền lương, thù lao, quỹ tiền thưởng thực hiện năm 2022 và kế hoạch sử dụng lao động, quỹ tiền lương, thù lao năm 2023 của Công ty TNHH MTV thủy lợi Đông Triều Quảng Ninh.

Công ty TNHH MTV thủy lợi Đông Triều xin báo cáo Sở Lao động- Thương binh và Xã hội, Sở Tài chính về quỹ tiền lương, thù lao, quỹ tiền thưởng thực hiện năm 2022 và kế hoạch quỹ tiền lương, thù lao năm 2023 của Công ty, cụ thể như sau:

I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN QUỸ TIỀN LƯƠNG, THÙ LAO, QUỸ TIỀN THƯỞNG NĂM 2022

1. Đối với Người quản lý công ty (thực hiện theo Nghị định số 52 và Thông tư số 27)

1.1. Kế hoạch Quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng của Người quản lý công ty năm 2022

a). Tại Quyết định số 32/2021/QĐ-UBND của UBND tỉnh Quảng Ninh đã phê duyệt đối với định mức kinh tế kỹ thuật đối với Công ty thì số người quản lý công ty: 05 người; Kiểm soát viên không chuyên trách: 01 người

- Quỹ tiền lương, thù lao theo Định mức KTKT được phê duyệt là 1.046.640.000 đồng, Trong đó:

+ Quỹ tiền lương Người Quản lý Công ty là 1.008.000.000 đồng;

+ Thù lao Kiểm soát viên không chuyên trách là 38.640.000 đồng.

b). Trong phương án đặt hàng đã được các Sở ngành liên quan thẩm định và được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 846/QĐ-UBND ngày 01/4/2022. Quỹ lương Người quản lý được tính theo tỷ lệ phân bổ tương ứng dịch vụ công ích là 90,125%; Dịch vụ khác là 9,875%). Trong đó:

- Quỹ tiền lương, thù lao từ Dịch vụ công ích là: 943.284.300 đồng (Quỹ lương Người quản lý: 908.460.000 đồng, Thù lao Kiểm soát viên không chuyên trách: 34.824.300 đồng).

- Quỹ lương, thù lao từ dịch vụ khác là: 103.355.700 đồng (Quỹ lương Người quản lý: 99.540.000 đồng, thù lao Kiểm soát viên không chuyên trách: 3.815.700 đồng).

c). Trong phương án đặt hàng đã được các Sở ngành liên quan thẩm định và được UBND tỉnh phê duyệt điều chỉnh tại Quyết định số 192/QĐ-UBND ngày

27/01/2023.(Quỹ lương Người quản lý được tính theo tỷ lệ phân bổ tương ứng Dịch vụ công ích là 93,6%; Dịch vụ khác là 6,4%).*Trong đó:*

- Quỹ tiền lương, thù lao từ dịch vụ công ích là: 979.655.040 đồng (Quỹ lương Người quản lý Công ty: 943.488.000 đồng; thù lao Kiểm soát viên không chuyên trách: 36.167.040 đồng).

- Quỹ lương, thù lao từ hoạt động dịch vụ khác là: 66.984.960 đồng (Quỹ lương Người quản lý Công ty là: 64.512.000 đồng; thù lao Kiểm soát viên không chuyên trách là: 2.472.960 đồng).

d). Quỹ tiền thưởng: 81.637.920 đồng.

1.2. Quỹ tiền lương, thù lao, quỹ tiền thưởng thực hiện của Người quản lý Công ty năm 2022:

Trong năm 2022, ngoài hoạt động dịch vụ công ích thực hiện theo hợp đồng đặt hàng, công ty còn có hoạt động dịch vụ thủy lợi khác (cấp nước thô). Tuy nhiên, đến tháng 5/2022, Công ty Cổ phần nước sạch Quảng Ninh – Xí nghiệp nước Đông Triều dừng lấy nước thô từ các hồ do công ty quản lý, do đó doanh thu từ hoạt động cấp nước thô chỉ đủ để nộp các khoản thuế và chi trả lương cho 01 người lao động.

Do đó, Quỹ tiền lương, thù lao của Người quản lý công ty thực hiện trong năm 2022 là **979.655.040 đồng** từ nguồn kinh phí đặt hàng dịch vụ công ích (Quỹ lương Người quản lý Công ty là: 943.488.000 đồng, thù lao Kiểm soát viên không chuyên trách: 36.167.040 đồng). *Trong đó:*

- Quỹ tiền lương, thù lao tạm ứng là: 701.028.000 đồng

- Quỹ tiền lương còn lại: 278.627.040 đồng.

* Quỹ tiền thưởng: 0 đồng

(Kèm theo biểu mẫu số 01,02 theo Thông tư số 27 và phụ lục 01, phụ lục 02)

2. Đối với Người lao động (thực hiện theo Nghị định 51 và Thông tư 26)

2.1. Kế hoạch Quỹ tiền lương thực hiện năm 2022 đối với người lao động theo quy định tại Mục 4 và thống kê số liệu theo biểu mẫu số 02 ban hành kèm theo Thông tư 26.

a). Theo Kế hoạch năm 2022 (Quỹ tiền lương kế hoạch từ hoạt động dịch vụ công ích và cấp nước thô áp dụng theo Quyết định số 846/QĐ-UBND ngày 01/4/2022 của UBND tỉnh V/v phê duyệt phương án hợp đồng đặt hàng năm 2022).

- Số lao động: 99 người.

- Quỹ tiền lương: **7.850.064.353 đồng**.*Trong đó:*

+ Dịch vụ công ích : 6.688.677.345 đồng

+ Dịch vụ cấp nước thô: 732.878.655 đồng

+ Dịch vụ quản lý Trạm bơm Đầm Trũng: 428.508.353 đồng

- Mức tiền lương bình quân theo Hợp đồng lao động: 5.197.000 đồng/tháng (tính theo mức trung bình hệ số lương do công ty xây dựng nhân với mức lương vùng tại thời điểm là 3.430.000 đồng).

- Mức tiền lương bình quân kế hoạch: 6.607.798 đồng/tháng (bằng 7.850.064.353 đồng/99 người/12 tháng).

- Năng suất lao động bình quân kế hoạch: 79.293.580 đồng/người/năm(bằng 7.850.064.353 đồng/99 người).

b). Theo Kế hoạch điều chỉnh năm 2022 (Quỹ tiền lương kế hoạch từ hoạt động

dịch vụ công ích và cấp nước thô áp dụng theo Quyết định số 192/QĐ-UBND ngày 27/01/2023 của UBND tỉnh V/v điều chỉnh phương án hợp đồng đặt hàng năm 2022).

- Số lao động: 99 người

- Quỹ tiền lương: **8.290.929.353 đồng**. Trong đó:

+ Dịch vụ công ích: 7.359.226.056 đồng;

+ Dịch vụ cấp nước thô: 503.194.944 đồng;

+ Dịch vụ quản lý Trạm bơm Đầm Trũng : 428.508.353 đồng.

2.2. Quỹ tiền lương, thực hiện của người lao động năm 2022:

- Số lao động: 94 người.

- Quỹ tiền lương thực hiện: **7.863.149.352 đồng**. Trong đó:

+ Dịch vụ công ích: 7.356.989.952 đồng;

+ Dịch vụ cấp nước thô: 52.511.800 đồng;

+ Dịch vụ quản lý Trạm bơm Đầm Trũng: 453.647.600 đồng.

- Quỹ tiền lương đã tạm ứng chi trả trong năm: 5.916.247.243 đồng.

- Quỹ tiền lương còn lại: 1.946.902.109 đồng.

- Mức tiền lương bình quân theo Hợp đồng lao động: 5.782.357 đồng/tháng (tính theo mức trung bình hệ số lương do công ty xây dựng nhân với mức lương vùng 6 tháng đầu năm là 3.430.000 đồng, 6 tháng cuối năm là 4.160.000 theo Nghị định 38/2022).

- Mức tiền lương bình quân thực hiện: 6.970.877 đồng/tháng (bằng 7.863.149.352 đồng/94 người/12 tháng).

- Năng suất lao động bình quân thực hiện: 83.650.525 đồng/người/năm (bằng 7.863.149.352 đồng/94 người).

Năm 2022, quỹ tiền lương thực hiện từ hoạt động dịch vụ công ích tăng lên theo Quyết định điều chỉnh phương án đặt hàng số 192/QĐ-UBND ngày 27/01/2023 của UBND tỉnh Quảng Ninh. Quỹ tiền lương từ dịch vụ cấp nước thô giảm do trong năm công ty ngừng cấp nước thô từ tháng 5/2022, do đó không có doanh thu để chi trả các khoản tiền lương và phụ cấp theo lương như kế hoạch.

II. KẾ HOẠCH QUỸ TIỀN LƯƠNG, THÙ LAO, QUỸ TIỀN THƯỞNG NĂM 2023

Căn cứ vào Hợp đồng nguyên tắc số 01/2023/HĐ-NT ngày 10/1/2023 được ký giữa Sở Nông nghiệp và PTNT Quảng Ninh; Biên bản bàn giao hồ Nội Hoàng, hồ Khe Ươn 2 từ UBND thị xã Đông Triều về cho Công ty quản lý, khai thác; căn cứ ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh tại Văn bản số 7318/UBND-NLN1 ngày 07/11/2023.

Công ty xây dựng Kế hoạch Quỹ tiền lương, thù lao, quỹ tiền thưởng Người quản lý công ty và người lao động của Công ty trong năm 2023, cụ thể như sau:

1. Đối với Người quản lý Công ty.

- Tổng số người quản lý công ty: 05 người; Kiểm soát viên không chuyên trách: 01 người; Kiểm soát viên chuyên trách: 01 người

* Quỹ tiền lương, thù lao năm 2023 là: 1.125.505.343 đồng, trong đó:
- Quỹ tiền lương của Người quản lý công ty là: 1.070.776.753 đồng;
+ Quỹ tiền lương từ hoạt động dịch vụ công ích là: 1.008.000.000 đồng
+ Quỹ tiền lương từ hoạt động quản lý dịch vụ Đàm Trũng là: 62.776.753 đồng
- Quỹ tiền lương, thù lao của Kiểm soát viên là: 54.728.590 đồng;
+ Quỹ tiền lương, thù lao từ hoạt động dịch vụ công ích là: 51.520.000 đồng
+ Quỹ tiền lương, thù lao từ hoạt động quản lý dịch vụ Đàm Trũng là: 3.208.590 đồng

* Quỹ tiền thưởng năm 2023 là: 87.220.000 đồng.

2. Đối với người lao động

- Số lao động: 94 người.
- Quỹ tiền lương: 9.526.903.334 đồng. Trong đó:
+ Quỹ tiền lương từ hoạt động dịch vụ công ích là: 8.994.763.470 đồng;
+ Quỹ tiền lương từ hoạt động quản lý dịch vụ Đàm Trũng là: 532.139.864 đồng.
- Mức tiền lương bình quân theo Hợp đồng lao động: 6.590.904 đồng/tháng (tính theo mức trung bình hệ số lương do công ty xây dựng nhân với mức lương vùng là 4.160.000 theo Nghị định 38/2022).
- Mức tiền lương bình quân thực hiện: 8.445.836 đồng/tháng (bằng 9.526.903.334 đồng/94 người/12 tháng).
- Năng suất lao động bình quân thực hiện: 101.350.035 đồng/người/ năm (bằng 9.526.903.334 đồng/94 người).

(Kèm theo Biểu mẫu số 02, Phụ lục 1, Phụ lục 3)

Trên đây là toàn bộ nội dung báo cáo của Công ty đối với quỹ tiền lương, thù lao, quỹ tiền thưởng thực hiện năm 2022; kế hoạch quỹ tiền lương, thù lao năm 2023 của Công ty theo nội dung chỉ đạo tại Thông báo số 35/TB-LĐTĐBXH ngày 17/3/2023 của Sở Lao động-Thương binh và Xã hội Quảng Ninh.

Công ty TNHH MTV Thủy lợi Đông Triều xin báo cáo và rất mong nhận được sự quan tâm, xem xét, chỉ đạo của Sở Lao động-Thương binh và Xã hội, Sở Tài chính để Công ty hoàn thành nhiệm vụ được giao./.

Công ty xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu Công ty.

CHỦ TỊCH CÔNG TY



Đặng Văn Tuyên

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH
CÔNG TY TNHH MTV THỦY LỢI ĐÔNG TRIỀU

BÁO CÁO XÁC ĐỊNH QUỸ TIỀN LƯƠNG, THÙ LAO, TIỀN THƯỞNG THỰC HIỆN NĂM 2022 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2023 CỦA NGƯỜI QUẢN LÝ

(Ban hành kèm theo Thông tư số 27/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số báo cáo năm 2022		Kế hoạch năm 2023
			Kế hoạch	Thực hiện	
I	Chỉ tiêu sản xuất, kinh doanh:				
1	Tổng số vốn chủ sở hữu	Tr.đồng	407.251	410.892	410.892
2	Tổng sản phẩm (kể cả quy đổi)	ha	9.121,04	9.056,61	9.042,90
3	Tổng doanh thu	Tr.đồng	19.608	18.796	21.333,9
4	Tổng chi phí (chưa có lương)	Tr.đồng	9.193	9.895	10.531
5	Tổng các khoản nộp ngân sách Nhà nước	Tr.đồng	200	273	300
6	Lợi nhuận	Tr.đồng	0	59,5	0
7	Năng suất lao động bình quân (1) kế hoạch	Trđ/năm	82		106
8	Năng suất lao động bình quân thực hiện	Trđ/năm		89,3	
II	Tiền lương của người quản lý chuyên trách				
1	Số người quản lý chuyên trách (tính bình quân)	Người	5	5	6
2	Hạng công ty được xếp	-	3	3	3
3	Hệ số mức lương bình quân	-	5,12	5,12	4,27
4	Mức lương cơ bản bình quân	Tr.đồng/th	19,0	19,0	16,4
5	Hệ số tăng thêm so mức lương cơ bản (nếu có)	-			
6	Quỹ tiền lương	Tr.đồng	1.008	943,5	1.276
7	Mức tiền lương bình quân	Tr.đồng/th	16,8	15,7	17,7
III	Thù lao của người quản lý không chuyên trách				
1	Số người quản lý không chuyên trách (tính bình quân)	Người	1	1	
2	Tỷ lệ thù lao bình quân so với tiền lương	%	47,8	44,7	

3	Quỹ thù lao	Tr.đồng	38,6	36,2	
4	Mức thù lao bình quân	Tr.đồng/th	3,2	3,01	
IV	Tiền thưởng, thu nhập				
1	Quỹ tiền thưởng	Tr.đồng			
2	Mức thu nhập bình quân của người quản lý chuyên trách (2)	Tr.đồng/th	16,8	15,7	17,7
3	Mức thu nhập bình quân của người quản lý không chuyên trách (3)	Tr.đồng/th	3,2	3,0	0,0

Đông Triều, ngày 14 tháng 11 năm 2023

TRƯỞNG PHÒNG KẾ HOẠCH – TÀI CHÍNH

CHỦ TỊCH CÔNG TY





Nguyễn Văn Kiên

Đặng Văn Tuyên

BÁO CÁO

TIỀN LƯƠNG, THÙ LAO, TIỀN THƯỞNG BÌNH QUÂN NĂM TRƯỚC VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2023 CỦA NGƯỜI QUẢN LÝ

(Ban hành kèm theo Thông tư số 27/2016/TT-LĐTBXH ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

TT	Họ tên	Chức danh	Chuyên trách/ không chuyên trách (2)	Tiền lương			Tiền thưởng (3)			Thù lao (4)			Thu nhập (5)		
				Kế hoạch năm trước	Thực hiện năm trước	Kế hoạch năm 2023	Kế hoạch năm trước	Thực hiện năm	Kế hoạch năm trước	Thực hiện năm trước	Kế hoạch năm 2023	Kế hoạch năm trước	Thực hiện năm trước	Kế hoạch năm trước	Thực hiện năm trước
1	Đặng Văn Tuyên	Chủ tịch	Chuyên trách	18,90	17,69	20,08	0,25	0,46	0,46				19,15	18,15	20,54
2	Vũ Minh Thành	Giám đốc	Chuyên trách	18,20	17,04	19,33	0,25	0,46	0,46				18,45	17,49	19,79
3	Vũ Văn Tông	Phó giám đốc	Chuyên trách	16,10	15,07	17,10	0,25	0,46	0,46				16,35	15,53	17,56
4	Nguyễn Hải Hà	Phó giám đốc	Chuyên trách	16,10	15,07	17,10	0,25	0,46	0,46				16,35	15,53	17,56
5	Nguyễn Văn Kiên	Kế toán trưởng	Chuyên trách	14,70	13,76	15,62	0,25	0,46	0,46				14,95	14,22	16,07
6	Nguyễn Thị Hồng Thao	Kiểm soát viên	Không chuyên trách							3,22			3,22	3,01	3,42

Đông Triều, ngày 14 tháng 11 năm 2023

TRƯỞNG PHÒNG KẾ HOẠCH – TÀI CHÍNH



Nguyễn Văn Kiên

Đặng Văn Tuyên

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH
CÔNG TY TNHH MTV THỦY LỢI ĐÔNG TRIỀU

**BÁO CÁO XÁC ĐỊNH QUỸ TIỀN LƯƠNG THỰC HIỆN NĂM TRƯỚC VÀ KẾ HOẠCH
NĂM 2023 CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 26/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01 tháng 9 năm 2016
của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội)*

Số TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2022		Kế hoạch năm 2023
			Kế hoạch	Thực hiện	
1	2	3	4	5	6
I	CHỈ TIÊU SẢN XUẤT KINH DOANH				
1	Tổng sản phẩm (kể cả quy đổi)	ha	9.121	9.057	9.043
2	Tổng doanh thu	Tr.đồng	19.608	18.796	21.334
3	Tổng chi phí (chưa có lương)	Tr.đồng	9.193	9.895	10.531
4	Lợi nhuận	Tr.đồng	-	60	-
5	Tổng các khoản nộp ngân sách Nhà nước	Tr.đồng	200,00	273,00	300,00
II	TIỀN LƯƠNG				
1	Lao động kế hoạch	Người	99		94
2	Lao động thực tế sử dụng bình quân	Người		94	
3	Mức tiền lương bình quân theo hợp đồng lao động	1.000đ/tháng	5.197	5.782	6.661
4	Mức tiền lương bình quân kế hoạch	1.000đ/tháng	6.608		8.446
5	Mức tiền lương bình quân thực hiện	1.000đ/tháng		6.971	
6	Năng suất lao động bình quân (1) kế hoạch	Tr.đồng/năm	79,29		101,35
7	Năng suất lao động bình quân thực hiện	Tr.đồng/năm		83,65	
8	Phản chênh lệch tiền lương của cán bộ chuyên trách đoàn thể	Tr.đồng			
9	Quỹ tiền lương kế hoạch	Tr.đồng	7.850		9.527
10	Quỹ tiền lương thực hiện	Tr.đồng		7.863	

Số TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2022		Kế hoạch năm 2023
			Kế hoạch	Thực hiện	
1	2	3	4	5	6
11	Quỹ tiền thưởng, phúc lợi phân phối trực tiếp cho người lao động	Tr.đồng	1.001,3	1.025,6	1.247,6
12	Thu nhập bình quân (theo lao động thực tế sử dụng bình quân)	1.000đ/tháng		7.429	

Đông Triều, ngày 14 tháng 11 năm 2023

TRƯỞNG PHÒNG KẾ HOẠCH- TÀI CHÍNH

CHỦ TỊCH CÔNG TY



Nguyễn Văn Kiên



Đặng Văn Tuyên

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN LAO ĐỘNG, TIỀN LƯƠNG, TIỀN THƯỞNG CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG NĂM 2022 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2023

ST T	Tên công ty	Chi tiêu sản xuất, kinh doanh										Mức tiền lương bình quân theo hợp đồng lao động (tr.đ/ tháng)		Mức tiền lương bình quân (tr.đ/tháng)		Quỹ tiền lương (tr.đ)		Quỹ khen thưởng, phúc lợi (tr.đ)							
		Tổng doanh thu (tr.đ)		Lợi nhuận (tr.đ)		Tổng chi chưa có lương (tr.đ)		Lao động (người)		Mức tiền lương bình quân theo hợp đồng lao động (tr.đ/ tháng)		Mức tiền lương bình quân (tr.đ/tháng)		Quỹ tiền lương (tr.đ)		Quỹ khen thưởng, phúc lợi (tr.đ)									
		KH năm 2022	TH năm 2022	KH năm 2022	TH năm 2022	KH năm 2022	TH năm 2022	TH trước năm	Thực tế theo KH năm 2022	Thực tế theo KH năm 2022	TH năm 2022	KH năm 2022	TH năm 2022	KH năm 2022	TH năm 2022	KH năm 2022	TH năm 2022	KH năm 2023	TH năm 2023						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26
1	Công ty TNHH MTV Thủy lợi Đông Triều	19.608	18.796	21.334	0	59,5	0	9.193	9.895	10.531	99	99	94	94	5,8	6,7	6,61	6,97	8,45	7.850	7.863	9.527	1.001	1.026	1.248
Tổng cộng																									

Đính kèm biểu, ngày 14 tháng 11 năm 2023

NGƯỜI LẬP

(Signature)

Nguyễn Văn Kiên



Đặng Văn Tuyên

SỐ TT	Họ và tên	Quý tiền lương, thù lao kế hoạch theo QĐ 84/QĐ-UBND ngày 01/4/2022		Trong đó		Quý tiền lương, thù lao kế hoạch theo QĐ 192/QĐ-UBND ngày 27/01/2023		Trong đó		Quỹ tiền lương, thù lao thực hiện		Trong đó		Lao động kế hoạch				Lao động thực tế			
		Dịch vụ công ích	Dịch vụ khác	Dịch vụ công ích	Dịch vụ khác	Dịch vụ công ích	Dịch vụ khác	Dịch vụ công ích	Dịch vụ khác	Dịch vụ công ích	Dịch vụ khác	Số người	Thu nhập bình quân / tháng	Số người	Thu nhập bình quân / tháng	Số người	Thu nhập bình quân / tháng	Số người	Thu nhập bình quân / tháng	Số người	Thu nhập bình quân / tháng
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)
A	Năm 2022	8.896.704.353	1.264.742.708	7.631.961.645	1.046.640.000	9.337.569.353	998.688.257	8.338.881.096	8.336.644.992	506.159.400	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5
I	Người quản lý, KSY	1.046.640.000	103.355.700	943.284.300	1.046.640.000	998.688.257	66.984.960	979.655.040	979.655.040	979.655.040	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5
I	Người quản lý	1.008.000.000	99.540.000	908.460.000	1.008.000.000	943.488.000	64.512.000	943.488.000	943.488.000	943.488.000	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5
2	Kiểm soát viên	38.640.000	3.815.700	34.824.300	38.640.000	36.167.040	2.472.960	36.167.040	36.167.040	36.167.040	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5
II	Người lao động	7.850.064.353	1.161.387.008	6.688.677.345	8.290.929.353	7.359.226.056	931.702.297	7.356.989.952	7.356.989.952	506.159.400	99	99	99	99	99	99	99	99	99	99	99
1	Dịch vụ công ích	6.688.677.345	6.688.677.345	6.688.677.345	7.359.226.056	7.359.226.056	7.356.989.952	7.356.989.952	7.356.989.952	453.647.600	84	84	84	84	84	84	84	84	84	84	84
2	Đảm Trữ	428.308.333	732.878.655	428.308.333	428.308.333	428.308.333	503.194.944	503.194.944	503.194.944	52.511.800	9	9	9	9	9	9	9	9	9	9	9
3	Nước thô	732.878.655	598.125.207	10.054.283.470	598.125.207	598.125.207	65.985.343	65.985.343	65.985.343	65.985.343	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6
B	Năm 2023	10.652.408.677	1.059.520.000	9.592.888.677	10.652.408.677	10.652.408.677	1.070.776.753	1.070.776.753	1.070.776.753	17.846.279	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5
I	Người quản lý, KSY	1.125.505.343	1.059.520.000	65.985.343	1.059.520.000	65.985.343	65.985.343	65.985.343	65.985.343	65.985.343	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6
I	Người quản lý	1.070.776.753	1.070.776.753	1.070.776.753	1.070.776.753	1.070.776.753	1.070.776.753	1.070.776.753	1.070.776.753	1.070.776.753	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5
-	Dịch vụ công ích	1.008.000.000	1.008.000.000	1.008.000.000	1.008.000.000	1.008.000.000	1.008.000.000	1.008.000.000	1.008.000.000	1.008.000.000	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5
-	Đảm Trữ	62.776.753	62.776.753	62.776.753	62.776.753	62.776.753	62.776.753	62.776.753	62.776.753	62.776.753	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
2	Kiểm soát viên	54.728.590	51.520.000	3.208.590	54.728.590	3.208.590	3.208.590	3.208.590	3.208.590	3.208.590	94	94	94	94	94	94	94	94	94	94	94
-	Dịch vụ công ích	51.520.000	51.520.000	51.520.000	51.520.000	51.520.000	51.520.000	51.520.000	51.520.000	51.520.000	88	88	88	88	88	88	88	88	88	88	88
-	Đảm Trữ	3.208.590	3.208.590	3.208.590	3.208.590	3.208.590	3.208.590	3.208.590	3.208.590	3.208.590	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6
II	Người lao động	9.526.903.334	8.994.763.470	8.994.763.470	9.526.903.334	8.994.763.470	8.994.763.470	8.994.763.470	8.994.763.470	8.994.763.470	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6
1	Dịch vụ công ích	8.994.763.470	8.994.763.470	8.994.763.470	8.994.763.470	8.994.763.470	8.994.763.470	8.994.763.470	8.994.763.470	8.994.763.470	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6
2	Đảm Trữ	552.139.864	552.139.864	552.139.864	552.139.864	552.139.864	552.139.864	552.139.864	552.139.864	552.139.864	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Signature)

Nguyễn Thị Thanh Huyền

KẾ TOÁN TRƯỞNG

(Signature)

Nguyễn Văn Kiên



Số: 35/TB - LĐTĐBXH

Quảng Ninh, ngày 17 tháng 3 năm 2023

THÔNG BÁO

CÔNG VĂN BẢN
Ngày 24 tháng 3 năm 2023

Về quỹ tiền lương, thù lao, quỹ tiền thưởng thực hiện năm 2022
Kế hoạch sử dụng lao động, quỹ tiền lương, thù lao năm 2023
của Công ty TNHH 1TV Thủy lợi Đông Triều Quảng Ninh

Thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh tại công văn số 1207/VPUBND-VX2 ngày 03/3/2023 về việc thẩm định, phê duyệt quỹ tiền lương, thù lao, quỹ thưởng và kế hoạch sử dụng lao động của Công ty TNHH 1TV thủy lợi Đông Triều Quảng Ninh (sau đây gọi tắt là Công ty);

Căn cứ Nghị định số 51/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016 của Chính phủ quy định quản lý lao động, tiền lương và tiền thưởng đối với NLĐ làm việc trong công ty TNHH 1TV do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ; Thông tư số 26/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động - TB&XH hướng dẫn thực hiện quản lý lao động, tiền lương và tiền thưởng đối với NLĐ làm việc trong công ty TNHH 1TV do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ; Biên bản làm việc V/v Thẩm tra quỹ tiền lương thực hiện năm 2022, kế hoạch sử dụng lao động và quỹ tiền lương năm 2023 ngày 15/3/2023 của Liên Sở: Lao động - TB&XH và Tài chính,

Sở Lao động - TB&XH có ý kiến như sau:

1. Về việc thẩm định, phê duyệt quỹ tiền lương, thù lao, quỹ tiền thưởng thực hiện năm 2022 của người quản lý: Chưa thực hiện thẩm định, phê duyệt; lý do: Kết quả thực hiện "đặt hàng" năm 2022 của Công ty chưa được quyết toán; nên chưa có cơ sở xác định kết quả hoạt động sản xuất kinh năm 2022 của Công ty.

Đề nghị Công ty sau khi được quyết toán thực hiện các nhiệm vụ năm 2022 có trách nhiệm báo cáo bằng văn bản gửi về Sở Lao động - TB&XH, Sở Tài chính để thực hiện thẩm định, phê duyệt quỹ tiền lương, thù lao thực hiện năm 2022; đồng thời làm căn cứ để xác định kế hoạch quỹ tiền lương, thù lao năm 2023 đảm bảo đúng quy định và kịp thời.

2. Về kế hoạch sử dụng lao động năm 2023: Công ty đã xây dựng đảm bảo quy định tại khoản 2, 3 Điều 3 Nghị định số 51/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016 của Chính phủ và Điều 4 Thông tư số 26/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động - TB&XH.

Sở Lao động - TB&XH thông báo để Công ty biết, thực hiện./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (báo cáo);
- Đ/c Giám đốc Sở (báo cáo);
- Cty TNHH 1TV Thủy lợi Đông Triều QN (khu Mễ Xá 3, P. Hưng Đạo, TX. Đông Triều, QN);
- Lưu: VT, CSLĐ.

Vũ Sỹ Hùng
Trưởng phòng CSLĐ

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thành Tâm